

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN MANG THÍT**  
**TỈNH VĨNH LONG**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST  
Ngày 04- 8-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Hồng Phúc**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Dương Sinh Huy** – Cựu Phó Phòng LĐ-TB-XH huyện Mang Thít

Bà **Trần Thị Mỹ Trang** – Cựu Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện Mang Thít

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Thị Hoàng Cúc**, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Thanh Phú** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/HS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lê Phước H1**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2004 tại Trại y tế xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A, xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn H2 và bà Nguyễn Thị Thùy T1; chưa có vợ, con; anh, chị, em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**2.1 Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Văn M – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

**2.2 Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984. (có mặt)

Trú tại: ấp N, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**2.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lê Tấn H2, sinh năm 1976. (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**2.4 Người làm chứng:**

**2.4.1** Lê Phước H3, sinh năm 1999. (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**2.4.2** Nguyễn Minh T, sinh năm 2005. (vắng có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 09 giờ 40 phút, ngày 06/4/2022, bị hại Nguyễn Thị Mỹ D đem theo số tiền 19.586.000 đồng và một điện thoại di động đến nhà mẹ ruột ở ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long cho bò ăn. Khi đến nơi, trước khi cho bò ăn, D lấy nón lá đang đội trên đầu để lên ổ bò câu trên chuồng thỏ; sau đó, D để tiền vào nón lá rồi lấy điện thoại di động để lên cọc tiền. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo Lê Phước H1 cùng với anh ruột là Lê Phước H3, em bà con cô cậu ruột là Nguyễn Minh T, cùng là những người làm thuê cho D ở ngoài ruộng nghỉ trưa đi về và đi ngang chuồng bò. Lúc này D đang cho bò ăn nên H1, H3, T đứng lại xem và nói chuyện với D khoảng 05 phút thì ra về. Lúc về, T đi trước, H3 đi theo sau, H1 đi cuối nên nhìn thấy cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng được xếp đôi và buộc lại bằng dây thun màu vàng để bên trong nón lá được đề lên bởi điện thoại di động trong nón lá để trên ổ bò câu nên nảy sinh ý định lấy cọc tiền. H1 quan sát xung quanh không có ai nên lén lút dùng tay phải trộm lấy cọc tiền cầm trên tay rồi ra về. Đi được khoảng 20 mét thì D tri hô và chạy theo nên H1 biết D đã biết việc mất tiền nên dùng tay phải ném cọc tiền mới lấy được xuống bụi cỏ, cách vị trí H1 đứng khoảng 04 mét. D chạy đến hỏi H1, H3, T “Có đứa nào lấy tiền của di không thì trả lại cho di?”, cả ba đều trả lời là “không có”. D kiểm tra trên người H1, H3, T không phát hiện gì nên kêu ba người vào chuồng bò hỏi tiếp “mấy đứa có lấy tiền thì trả lại cho di, nếu không di báo công an”; H1, H3, T đều im lặng không trả lời nên D trình báo cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ gồm: số tiền Việt Nam đồng là 19.586.000 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi sáu đồng).

Ngày 13/4/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo đối với Lê Phước H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo H1.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phạm tội NH2 chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về vật chứng vụ án: Tiền Việt Nam đồng là 19.586.000 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi sáu đồng). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã chứng minh đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại Nguyễn Thị Mỹ D. Hiện nay chị D đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối bị cáo.

Đối với Lê Phước H3 và Nguyễn Minh T mặc dù đi chung nhưng không biết gì về hành vi bóc lột của bị cáo, không phải là đồng phạm nên không xử lý.

Tại Cáo trạng số: 26/CT.VKS.HMT ngày 13 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lê Phước H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điều 36; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Phước H1 phạm tội: Trộm cắp tài sản và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại không có yêu cầu nên không xét; về vật chứng đã xử lý xong và về án phí bị cáo nộp theo quy định.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo xác định hành vi của bị cáo là phạm tội và đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ theo đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, cho rằng bản thân và gia đình của bị cáo có nhiều khó khăn, phạm tội do nông nổi, bồng bột, thiếu hiểu biết, thiếu tình thương từ cha mẹ và sự giáo dục từ nhỏ nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận mình có tội và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phước H1 khai nhận: Vào ngày 06/4/2022, bị cáo có thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tiền 19.586.000 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi sáu đồng) của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Xét; lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nội dung cáo trạng và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Lê Phước H1 phạm tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể được luật hình bảo vệ, đó là quyền sở hữu về tài sản của

công dân. Bị cáo muốn có tài sản để sử dụng cho lợi ích cá nhân, nhưng lại không tích cực lao động sản xuất để có thu nhập hợp pháp, mà tìm sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản của người khác làm của riêng mình, gây bất bình trong xã hội, làm mất trật tự ở địa phương. Đi ngược lại chủ trương của Đảng và Nhà nước về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Vì thế, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; phạm tội chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Tại thời điểm phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3] Đối với Lê Phước H3, Nguyễn Minh T không liên quan đến vụ án, nên không xem xét xử lý.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không có yêu cầu, nên không xét.

[5] Về vật chứng: Đã xử lý xong.

[6] Xét, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Xét, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điều 36; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Phước H1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Phạt bị cáo Lê Phước H1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2. Giao bị cáo Lê Phước H1 cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TH, huyện V, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Phước H1.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không có yêu cầu nên không xét.

4. Về vật chứng: Đã xử lý xong.

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án báo cho biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã TH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Bùi Hồng Phúc**